

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 08/2019/HS-ST

Ngày: 13-3- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyên

Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Hoàn

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Ông Nguyễn Văn Sinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13/3/2019, tại phòng xét xử án hình sự TAND tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2019/HSST ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2018/QĐXXST-HS ngày 26/02/2019 đối với bị cáo:

Võ Xuân H; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 01 năm 1983. Tại: huyện T, tỉnh Quảng Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; tiền án, tiền sự: Không. Con ông Võ Lâm H1 và con bà Nguyễn Thị H2 hiện đang sống tại Thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vợ đã ly hôn vào ngày 08/8/2018. Con có 01 cháu, sinh năm 2012. Gia đình có 04 người con, H là con đầu trong gia đình. Là Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng.

Quá trình bản thân: Nhỏ được bố mẹ nuôi ăn học đến lớp 12/12, sau đó tốt nghiệp đại học. Năm 2004 cho đến năm 2007 làm việc tại văn phòng Đảng ủy xã K1. Từ năm 2007 cho đến tháng 02/2018 làm Phó chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã K1, huyện T, đến tháng 4/2018 xin nghỉ việc về nhà lao động tự do cho đến ngày bị bắt.

Bị tạm giam tại Trại tại giam Công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 24/9/2018 cho đến nay. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

1. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1968 – Địa chỉ: Thôn KT, xã K1, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt;

2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1968 – Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
3. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1970 – Địa chỉ: Thôn 3 L, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt;
4. Ông Mai Văn Th, sinh năm 1955 – Địa chỉ: Thôn 2 L, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
5. Bà Mai Thị L1, sinh năm 1975 – Địa chỉ: Thôn 3 L, xã T2, huyện T2, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
6. Bà Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1972 – Địa chỉ: Thôn 3 L, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
7. Ông Hoàng Trọng H4, sinh năm 1976 – Địa chỉ: Thôn 5 L, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
8. Ông Đinh Ngọc B, sinh năm 1972 – Địa chỉ: BD, xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
9. Ông Hồ Văn H5, sinh năm 1985 – Địa chỉ: BD, xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
10. Ông Đinh Viết B1, sinh năm 1973– Địa chỉ: Thôn ÔC, xã HT, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
11. Bà Hoàng Thị Th1, sinh năm 1973 – Địa chỉ: TK.Đ, thị trấn L2, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
12. Bà Hà Thị H6, sinh năm 1968– Địa chỉ: Thôn Đ2, xã M1, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
13. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 – Địa chỉ: Thôn PĐ, xã Đ3, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
14. Ông Phạm Văn Th2, sinh năm 1963– Địa chỉ: Thôn S, xã C1, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
15. Ông Đỗ Tiến S, sinh năm 1969 – Địa chỉ: Thôn C2, xã C1, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
16. Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1975– Địa chỉ: Thôn TM, xã C1, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
17. Ông Thái Văn Nh, sinh năm 1954 – Địa chỉ: Thôn TS, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
18. Ông Cao Xuân Đ4, sinh năm 1962 – Địa chỉ: Thôn KB, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
19. Ông Trương Văn Kh, sinh năm 1955 – Địa chỉ: Thôn TT, xã M2, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh Ng, sinh năm 1975- Thôn PĐ, xã Đ3, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt;
2. Ông Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1958- Thôn 5 xã HT, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
3. Ông Cao Xuân N, sinh năm 1984 – Địa chỉ: Thôn 3 KB, xã M2, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thị Mỹ D, sinh năm 1992– Địa chỉ: Thôn 3 L, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
5. Ông Trương Quốc H7, sinh năm 1985 – Địa chỉ: Thôn 1 KB, xã M2, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
6. Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1985 – Địa chỉ: Thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
7. Ông Võ Lâm H11, sinh năm 1961 – Địa chỉ: Thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2016 đến tháng 02/2018, Võ Xuân H (sinh ngày 04/01/1983 - trú tại thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Quảng Bình) đưa ra thông tin giả là có quen biết với một số cán bộ ở huyện B, tỉnh Quảng Bình, nhờ mối quan hệ này, Võ Xuân H sẽ xin việc cho người có nhu cầu xin vào làm giáo viên tại huyện B, chi phí cho một người có giá từ 70.000.000đ đến 180.000.000đ tùy vào hình thức tuyển dụng là thi tuyển hoặc xét tuyển; nếu ai có nhu cầu xin việc, Võ Xuân H yêu cầu giao một bộ hồ sơ và một phần tiền đặt cọc trước, số tiền còn lại khi nào có quyết định tuyển dụng phải giao đủ cho Võ Xuân H. Tin vào lời giới thiệu của Võ Xuân H, 19 người dân ở các huyện M, T và B đã đưa hồ sơ và tiền cho Võ Xuân H để xin việc cho người thân vào làm giáo viên tại huyện B. Sau khi nhận hồ sơ và tiền của những người bị hại, Võ Xuân H đưa cho một số bị hại quyền tài liệu ôn tập thi phỏng vấn xét tuyển viên chức giáo viên bậc tiểu học, rồi từ đó H không liên hệ xin việc cho người thân của họ mà đem tất cả số hồ sơ đã nhận đốt tại nhà riêng của mình. Với cùng thủ đoạn này H đã hứa xin việc và chiếm đoạt của 19 người bị hại với số tiền là 1.000.000.000đồng (*một tỷ đồng*), cụ thể như sau:

1. Nhận của ông Trần Văn T1, sinh năm 1968, ở thôn KT, xã K1, huyện T, tỉnh Quảng Bình hai lần (lần thứ nhất 5.000.000 đồng, không viết giấy nhận tiền; lần thứ hai 50.000.000 đồng có giấy nhận tiền), tổng số tiền 55.000.000đồng, để hứa xin việc cho con gái là Trần Thị U;

2. Nhận của ông Trần Văn Đ, sinh năm 1968, ở thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình, 02 lần (lần thứ nhất 35.000.000 đồng; lần thứ hai hủy giấy nhận tiền lần thứ nhất, sau đó viết lại giấy nhận tiền của hai lần là 70.000.000), tổng số tiền 70.000.000đồng, để hứa xin việc cho con gái là Trần Thị TH;

3. Nhận của bà Lê Thị H3, sinh năm 1970, ở thôn 3 L, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Bình, 02 lần số tiền 70.000.000đồng (lần thứ nhất 40.000.000 đồng; lần thứ hai: 30.000.000 đồng, trước khi tố giác Võ Xuân H trả lại cho chị H3 số tiền 30.000.000 đồng) hiện còn lại 40.000.000 đồng, để xin việc cho con gái là Hoàng Thị Mỹ D2.

4. Nhận của ông Mai Văn Th, sinh năm 1955, ở thôn 2 L, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Bình, hai lần (lần thứ nhất 50.000.000 đồng; lần thứ hai hủy giấy nhận tiền lần thứ nhất, sau đó viết lại giấy nhận tiền của hai lần là 90.000.000) tổng số tiền 90.000.000 đồng, để hứa xin việc cho con gái là Mai Thị H9;

5. Nhận của bà Mai Thị L1, sinh năm 1975, ở thôn 3 L, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Bình, số tiền 75.000.000đ, để hứa xin việc cho con gái là Nguyễn Thị Phương Th1.

6. Nhận của bà Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1972, ở thôn 3 L, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Bình, số tiền 40.000.000đ, để hứa xin việc cho con gái là Thái Thị Kim Ng;

7. Nhận của ông Hoàng Trọng H4, sinh năm 1976, ở thôn 5 L, xã T2, huyện T, tỉnh Quảng Bình, số tiền 40.000.000đ, để hứa xin việc cho con trai là Hoàng Ngọc Sn;

8. Nhận của ông Đinh Ngọc B, sinh năm 1972, ở thôn BD, xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình, số tiền 70.000.000đồng, để hứa xin việc cho con gái là Đinh Thị Hồng H10;

9. Nhận của ông Hồ Văn H5, sinh năm 1985, ở thôn BD, xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình, số tiền 60.000.000đồng, để hứa xin việc cho em là Hồ Xuân H11;

10. Nhận của ông Đinh Viết B1, sinh năm 1973, ở thôn ÔC, xã HT, huyện M, tỉnh Quảng Bình, số tiền 100.000.000đ, để hứa xin việc cho con gái là Đinh Thị Th3;

11. Nhận của bà Hoàng Thị Th1, sinh năm 1973, ở tiểu khu ĐV, thị trấn L2, huyện T, tỉnh Quảng Bình, số tiền 40.000.000đồng, để hứa xin việc cho cháu là Trương Thị S3;

12. Nhận của bà Hà Thị H6, sinh năm 1968, ở thôn ĐT, xã M1, huyện T, tỉnh Quảng Bình, số tiền 40.000.000đồng, để hứa xin việc cho con là Hà Văn Q;

13. Nhận của bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1962, ở thôn PĐ, xã Đ3, huyện B, tỉnh Quảng Bình, 02 lần (lần thứ nhất 30.000.000 đồng; lần thứ hai: 20.000.000 đồng) tổng số tiền 50.000.000đồng, để hứa xin việc cho cháu là Nguyễn Thị HT;

14. Nhận của ông Phạm Văn Th1 sinh năm 1963, ở thôn S2, xã C1, huyện T, tỉnh Quảng Bình, số tiền 50.000.000đồng (trước khi tổ giác Võ Xuân H đã trả lại cho ông Phạm Văn Th1 40.000.000đ), số tiền còn lại 10.000.000đ, để hứa xin việc cho con trai là Phạm Văn Đ;

15. Nhận của ông Đỗ Tiến S, sinh năm 1969, ở thôn C2, xã C1, huyện T, tỉnh Quảng Bình, số tiền 50.000.000đ, để hứa xin việc cho con gái là Đỗ Thị H6;

16. Nhận của bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1975, ở thôn M, xã C1, huyện T, tỉnh Quảng Bình, số tiền 50.000.000đ, để hứa xin việc cho con gái là Nguyễn Thị Hải Y;

17. Nhận của ông Thái Văn Nh, sinh năm 1954, ở thôn Tân S3, xã M2, huyện M, tỉnh Quảng Bình, 02 lần (lần thứ nhất 30.000.000 đồng; lần thứ hai: 20.000.000 đồng) tổng số tiền là 50.000.000đồng, để hứa xin việc cho con dâu là Trương Thị A1;

18. Nhận của ông Cao Xuân Đ4, sinh năm 1962, ở thôn 4 KB, xã M2, huyện M, tỉnh Quảng Bình, số tiền 40.000.000đ, để hứa xin việc cho con gái là Cao Thị HT;

19. Nhận của ông Trương Văn K2, sinh năm 1955, ở thôn TT, xã M2, huyện M, tỉnh Quảng Bình, số tiền 30.000.000đ, để hứa xin việc cho con dâu là Thái Thị L3;

Số tiền Võ Xuân H đã thu của 19 người là 1.070.000.000đồng, đã trả lại 70.000.000đồng cho hai bị hại, số tiền còn lại 1.000.000.000đồng (*một tỷ đồng*) Võ Xuân H chiếm đoạt tiêu xài cá nhân; (BL số: 410-679; 681-742).

Quá trình điều tra cơ quan CSĐT đã thu giữ 18 giấy nhận tiền và 02 (hai) giấy hẹn lấy tiền đề các ngày 16/4/2018; 23/5/2018; 01(một) giấy hẹn trả tiền đề ngày 26/4/2018; 01(một) giấy nội dung ôn thi đề phòng vấn chính thức (những thí sinh thuộc diện ưu tiên); 01 (một) giấy nội dung đề thi tuyển viên chức năm 2016 bậc trung học huyện Bố Trạch; 01 (một) quyển tài liệu ôn thi phòng vấn xét tuyển viên chức giáo viên bậc trung học cơ sở (bìa màu hồng); 01 (một) quyển tài liệu ôn tập thi phòng vấn xét tuyển viên chức giáo viên bậc tiểu học (bìa màu xanh) do các bị hại cung cấp.(BL số: 79-103; 122-216).

Ngày 11/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình ra Quyết định Trưng cầu giám định chữ viết số 06, về việc: Yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình giám định chữ ký, viết của Võ Xuân H trên các tờ giấy "giấy nhận tiền". Ngày 19/12/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận số 51/PC09(GĐ) khẳng định do cùng một người ký, viết ra. (BL số: 72-103).

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đều yêu cầu Võ Xuân H phải bồi thường đầy đủ số tiền mà H đã chiếm đoạt của họ với tổng số tiền 1.000.000.000đồng (*một tỷ đồng*).

Ngày 24/01/2019 đại diện gia đình của bị cáo H là ông Võ Lâm H4 (bố đẻ của Võ Xuân H) đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự Quảng Bình, để bồi thường cho các bị hại.

Cáo trạng số 56/VKS- P3 ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Quảng Bình đã truy tố Võ Xuân H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS năm 2015.

- Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo H từ 12- 13 năm tù, buộc bị cáo phải bồi thường đầy đủ cho các bị hại.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Võ Xuân H từ chối Luật sư bào chữa và cam đoan tự mình bào chữa nên cơ quan tiến hành tố tụng không chỉ định Luật sư. Một số bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do nhưng lời khai và yêu cầu của họ đã có đầy đủ trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Võ Xuân H thừa nhận Bản Cáo trạng số 56/VKS-P3 ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Quảng Bình đã mô tả đúng hành vi của bị cáo. Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo Võ Xuân H tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, địa điểm, số lượng tài sản và diễn biến tội phạm, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2016 đến tháng 02/2018, Võ Xuân H; sinh ngày 04/01/1983, trú tại thôn K, xã K1, huyện T, tỉnh Quảng Bình đã có hành vi đưa ra thông tin giả là có quen biết với một số cán bộ ở huyện B, tỉnh Quảng Bình, với mối quan hệ này, Võ Xuân H sẽ xin việc cho người có nhu cầu vào làm giáo viên tại huyện B, chi phí cho một người có giá từ 70.000.000đ đến 180.000.000đ tùy vào hình thức tuyển dụng là thi tuyển hoặc xét tuyển, nếu ai có nhu cầu xin việc, Võ Xuân H yêu cầu giao một bộ hồ sơ và một phần tiền đặt cọc trước, số tiền còn lại khi nào có quyết định tuyển dụng phải giao đủ cho Võ Xuân H. Do tin vào lời giới thiệu của Võ Xuân H, 19 người dân ở các huyện M, huyện T và B đã đưa hồ sơ và tiền cho Võ Xuân H để xin việc cho người thân vào làm giáo viên tại huyện B. Sau khi nhận hồ sơ và tiền của những người bị hại, Võ Xuân H đưa cho một số bị hại quyền tài liệu ôn tập thi phỏng vấn xét tuyển viên chức giáo viên bậc tiểu học, nhưng H không liên hệ xin việc cho người thân của họ mà đem tất cả số hồ sơ đã nhận đốt tại nhà riêng của mình. Bằng thủ đoạn này H đã lừa đảo, chiếm đoạt của 19 người bị hại với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng. Như vậy, Võ Xuân H biết rõ mình không có chức năng, nhiệm vụ trong công tác tuyển dụng viên chức giáo viên, không có khả năng xin việc làm cho người khác nhưng vẫn đưa ra thông tin giả rồi chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu xin việc. Với tổng số tiền chiếm đoạt là 1.000.000.000 đồng, hành vi của Võ Xuân H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố đối với bị cáo H là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cùng các tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Võ Xuân H là người có nhận thức về pháp luật, đã từng công tác tại UBND, UBMT xã, biết rõ mình không có chức năng, nhiệm vụ trong công tác tuyển dụng viên chức giáo viên, không có khả năng xin việc làm cho những người có nhu cầu được tuyển dụng làm giáo viên nhưng đã lợi dụng nhu cầu xin việc của người dân, cố tình đưa ra thông tin giả là có khả năng xin được việc, giả nhận hồ sơ, phát tài liệu ôn thi và nhận tiền để chiếm đoạt tiền của 19 người bị hại với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng. Hành vi của Võ Xuân H là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý bất an cho nhiều người dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, ảnh hưởng xấu đến niềm tin của nhân dân vào hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương. Do đó, cần phải xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H một cách nghiêm khắc, tương xứng với tính chất vụ án, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo để giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Số tiền mà Võ Xuân H đã chiếm đoạt của những người bị hại là rất lớn, nhiều lần đối với nhiều người, do đó Võ Xuân H đã phạm vào điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù cao nhất đến tù chung thân với tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay luôn có thái độ khai báo thành khẩn, khai báo đầy đủ hành vi phạm tội và nhận tội, bị cáo đã cùng gia đình đã nộp số tiền 50.000.000đ để bồi thường cho các bị hại dù chỉ là số rất ít so với số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo Võ Xuân H trong quá trình công tác tại địa phương đã có nhiều cống hiến trong các hoạt động như Hội chữ thập đỏ, hội khuyến học, công tác bầu cử, công tác tôn giáo của xã Kim Hoá được UBND xã Kim Hoá tặng nhiều Giấy khen, bị cáo có bố là ông Võ Lâm H4 có nhiều cống hiến cho địa phương, mẹ Nguyễn Thị Hg là người có Công được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang và được bị hại ông Phạm Văn Th có làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt để áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 nhưng phải buộc bị cáo Võ Xuân H phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn với mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

4]. Về trách nhiệm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Võ Xuân H thừa nhận đã đưa ra thông tin có quen biết một số cán bộ ở huyện B như có quen ông Nguyễn Hữu T4- nguyên trưởng phòng Nội vụ huyện B, ông Nguyễn Minh Ng - Trưởng phòng giáo dục đào tạo huyện B. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Minh Ng không thừa nhận đã nhận hồ sơ và tiền của 19 người có nhu cầu xin việc nêu trên để giúp họ trúng tuyển viên chức giáo viên tại huyện B. Bị cáo H cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh những người này có liên quan đến hành vi của Võ Xuân H. Do đó, không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Hữu T4 và ông Nguyễn Minh N.

Ông Cao Xuân N, ông Thái Văn Nh, ông Phạm Văn Th, bà Hoàng Thị Mỹ D2 là những người giới thiệu cho các bị hại khác đến gặp Võ Xuân H để xin việc làm, họ không biết H không có khả năng xin việc làm, họ cũng không được hưởng lợi gì trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Võ Xuân H và bản thân họ cũng là người bị hại,. Võ Xuân H cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi lừa đảo tài sản một mình, những người trên không biết H có hành vi lừa đảo nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Cao Xuân N, ông Thái Văn Nh, bà Hoàng Thị Mỹ D2 và ông Phạm Văn Th. Những người bị hại trong vụ án cũng cần được nhắc nhở, rút kinh nghiệm khi đặt niềm tin vào những cá nhân không có thẩm quyền, trách nhiệm lại đưa ra những yêu cầu trái quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

* Trước khi mở phiên tòa, bố bị cáo là ông Võ Lâm H4 đã thay bị cáo bồi thường đủ cho ông Trần Văn T1 55.000.000 đồng, còn lại các bị hại khác cần phải buộc Võ Xuân H phải bồi thường lại đầy đủ cho các bị hại, cụ thể:

1. Ông Trần Văn Đ1 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, buộc H phải bồi thường lại số tiền 70.000.000 đồng cho ông Trần Văn Đ1.

2. Bà Lê Thị H3 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt 02 lần số tiền với tổng số tiền là 70.000.000đồng, đã được Võ Xuân H đã trả lại số tiền 30.000.000 đồng, hiện còn lại 40.000.000 đồng buộc H phải bồi thường cho tiếp tục bồi thường lại số tiền 40.000.000đ cho bà Lê Thị H3.

3. Ông Mai Văn Th2 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt hai lần với tổng số tiền 90.000.000 đồng, buộc H phải bồi thường lại số tiền 90.000.000 đồng cho ông Mai Văn Th2.

4. Bà Mai Thị L1 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 75.000.000đ, buộc H phải bồi thường lại đủ số tiền 75.000.000đồng cho bà Mai Thị L1.

5. Bà Hoàng Thị Đ1 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ, buộc Võ Xuân H phải bồi thường lại đủ số tiền 40.000.000đ cho bà Đ1.

6. Ông Hoàng Trọng H2 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ, buộc H phải bồi thường lại đủ số tiền 40.000.000đ cho ông Hoàng Trọng H2.

7. Ông Đinh Ngọc B bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 70.000.000đồng, buộc H phải bồi thường đủ số tiền 70.000.000đồng cho ông Đinh Ngọc B.

8. Ông Hồ Văn H5 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 60.000.000đồng, buộc Võ Xuân H phải bồi thường lại đủ số tiền 60.000.000đ cho ông Hồ Văn H5.

9. Ông Đinh Viết B1 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền đủ 100.000.000đ, buộc Võ Xuân H phải bồi thường lại đủ số tiền 100.000.000đồng cho ông Đinh Viết B1.

10. Bà Hoàng Thị Th2 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 40.000.000đồng, buộc H phải bồi thường lại đủ số tiền 40.000.000đồng cho bà Hoàng Thị Th2.

11. Bà Hà Thị H6 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 40.000.000đồng, buộc Hiền phải bồi thường lại đủ số tiền 40.000.000đồng cho bà Hà Thị H3.

12. Bà Nguyễn Thị T3 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 50.000.000đồng, buộc H phải bồi thường lại đủ số tiền 50.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị T3.

13. Ông Phạm Văn Th2 bị Võ Xuân Hiền lừa đảo chiếm đoạt số tiền 50.000.000đồng, Võ Xuân H đã trả lại cho ông Phạm Văn Th2 40.000.000đ, số tiền còn lại H còn chiếm đoạt là 10.000.000đ nên buộc H phải bồi thường tiếp số tiền 10.000.000đ cho ông Phạm Văn Th2.

14. Ông Đỗ Tiến S bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ, buộc H phải bồi thường lại số tiền 50.000.000đ cho ông Đỗ Tiến S.

15. Bà Nguyễn Thị H7 bị Võ Xuân Hiền lừa đảo chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ, buộc H phải bồi thường lại số tiền 50.000.000đ cho bà Nguyễn Thị H6.

16. Ông Thái Văn Nh bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt 02 với tổng số tiền là 50.000.000đồng, buộc Võ Xuân H phải bồi thường lại số tiền 50.000.000đồng cho ông Thái Văn Nh.

17. Ông Cao Xuân Đ4 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ, buộc Võ Xuân H phải bồi thường lại số tiền 40.000.000đồng cho ông Cao Xuân Đ4.

18. Ông Trương Văn Kh bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000đồng, buộc Võ Xuân H phải bồi thường lại số tiền 30.000.000đồng cho ông Trương Văn Kh.

* Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như chị Hoàng Thị Mỹ D2 trình bày mẹ chị là bà Lê Thị H3 bị Võ Xuân H lừa đảo chiếm đoạt 02 lần số tiền với tổng số tiền là 70.000.000đồng, đã được Võ Xuân H đã trả lại số tiền 30.000.000 đồng, hiện còn lại 40.000.000 chị D2 trình bày là không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, bà Lê Thị Huệ (mẹ của chị Dung) có yêu cầu và đã được Tòa án buộc bị cáo H bồi thường cho bị hại bà Lê Thị H3

Đối với ông Trương Quốc H7 có trình bày đã đưa cho Võ Xuân H 20.000.000đ, tuy nhiên ông H7 có trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét (BL: 729).

* Trong quá trình điều tra, ông Võ Lâm H11 bố của bị cáo Võ Xuân H đã nộp số tiền 50.000.000 đồng để bồi thường cho các bị hại tại biên lai thu tiền số AA/2015/0000250 ngày 24/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình nên cần thu giữ để đảm bảo việc thi hành án cho khoản bồi thường của Võ Xuân H.

[6]. Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan CSĐT đã thu giữ 18 giấy nhận tiền và 02 (hai) giấy hẹn lấy tiền đề các ngày 16/4/2018; 23/5/2018; 01(một) giấy hẹn trả tiền đề ngày 26/4/2018; 01(một) giấy nội dung ôn thi để phỏng vấn chính thức (những thí sinh thuộc diện ưu tiên); 01 (một) giấy nội dung đề thi tuyển viên chức năm 2016 bậc trung học huyện Bố Trạch; 01 (một) quyển tài liệu ôn thi phỏng vấn xét tuyển viên chức giáo viên bậc trung học cơ sở (bìa màu

hồng); 01 (một) quyển tài liệu ôn tập thi phỏng vấn xét tuyển viên chức giáo viên bậc tiểu học (bìa màu xanh) do các bị hại cung cấp.(BL số: 79-103; 122-216). Đây là những chứng cứ của vụ án được thu thập được trong quá trình điều tra nên cần lưu giữ theo hồ sơ của vụ án.

[7]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Võ Xuân H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án hình: Bị cáo Võ Xuân H phải bồi thường cho những người bị hại với tổng số tiền số tiền 895.000.000 đồng nên Võ Xuân H phải chịu 38.850.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Xuân H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đối với bị cáo Võ Xuân H, xử phạt: Võ Xuân H 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 24/9/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Xuân H 45 ngày theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS năm 2015 xử: Buộc Võ Xuân H phải bồi thường cho những người sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------------------|
| 1. Ông Trần Văn Đ - số tiền: | 70.000.000 đồng |
| 2. Bà Lê Thị H3 - số tiền: | 40.000.000 đồng |
| 3. Ông Mai Văn Th - số tiền: | 90.000.000 đồng |
| 4. Bà Mai Thị L1 - số tiền: | 75.000.000 đồng |
| 5. Bà Hoàng Thị Đ1 - số tiền: | 40.000.000 đồng |
| 6. Ông Hoàng Trọng H4 - số tiền: | 40.000.000 đồng |
| 7. Ông Đinh Ngọc B - số tiền: | 70.000.000 đồng |
| 8. Ông Hồ Văn H5 - số tiền: | 60.000.000 đồng |
| 9. Ông Đinh Viết B1 - số tiền: | 100.000.000 đồng |
| 10. Bà Hoàng Thị Th1- số tiền | 40.000.000 đồng |
| 11. Bà Hà Thị H6- số tiền | 40.000.000 đồng |
| 12. Bà Nguyễn Thị T3 - số tiền: | 50.000.000 đồng |
| 13. Ông Phạm Văn Th2 - số tiền: | 10.000.000 đồng |
| 14. Ông Đỗ Tiến S - số tiền: | 50.000.000 đồng |
| 15. Bà Nguyễn Thị H7 - số tiền: | 50.000.000 đồng |
| 16. Ông Thái Văn Nh - số tiền | 50.000.000 đồng |
| 17. Ông Cao Xuân Đ4 - số tiền: | 40.000.000 đồng |

18. Ông Trương Văn Kh - số tiền: **30.000.000 đồng.**

Tổng số tiền Võ Xuân H phải bồi thường cho những người bị hại là **945.000.000đồng** (chín trăm bốn mươi lăm triệu đồng chẵn).

Nếu bị cáo không bồi thường kịp thời thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS để trả cho bên được thi hành án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, theo đó người được thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng do ông Võ Lâm H11 (bố của bị cáo Võ Xuân H) nộp tại biên lai thu tiền số AA/2015/0000250 ngày 24/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình để đảm bảo việc thi hành án cho khoản bồi thường của Võ Xuân H .

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Võ Xuân H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm 38.850.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng buộc bị cáo Võ Xuân H phải chịu 39.050.000đ (ba mươi chín triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Võ Xuân H, những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình (P3);
- CQCSĐT CAQB;
- Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu: HS vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyền